

Tuần: 17

Tiết: 31

BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG V

Môn học/Hoạt động giáo dục: Hình học; lớp: 9

Thời gian thực hiện: (01 tiết)

I. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này học sinh có khả năng:

1. Về kiến thức:

- Ôn tập kiến thức về vị trí tương đối giữa đường thẳng và đường tròn, giữa hai đường tròn; định lí hai tiếp tuyến cắt nhau.
- Ôn tập kĩ năng nhận biết vị trí tương đối giữa đường thẳng và đường tròn, giữa hai đường tròn dựa vào dấu hiệu nhận biết.
- Ôn tập kĩ năng sử dụng các kiến thức đã học ở chương V để giải các bài toán hình học.

2. Về năng lực:

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp. Đọc SGK, trả lời các câu hỏi trong phiếu bài tập, trong SGK, câu hỏi trên lớp.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Học sinh trình bày vấn đề, lắng nghe phân tích, thảo luận nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến bài học.

*** Năng lực riêng:**

- Năng lực mô hình hóa toán học.
- Năng lực giao tiếp toán học.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ, miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức để giải một số bài toán.
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động cá nhân, trung thực trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm của học sinh khi hoạt động học tập cá nhân, thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm,...

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: KHBD, máy tính cầm tay, phiếu học tập, copya và thước thẳng...

2. Học sinh:

- + SGK, vở ghi, dụng cụ học tập, copya, thước thẳng, máy tính cầm tay.
- + Ôn lại các kiến thức trong chương V.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu (Dự kiến thời gian: 10 phút)

a) Mục tiêu: Hệ thống kiến thức chương 5.

b) Nội dung:

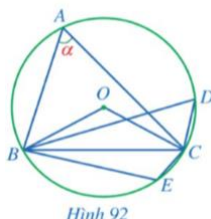
- Tổ chức trò chơi thi “Đào vàng”

- Thiết lập sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức chương 5 thực hiện hoạt động nhóm tổ dựa trên nội dung GV đã giao ở tiết học trước.

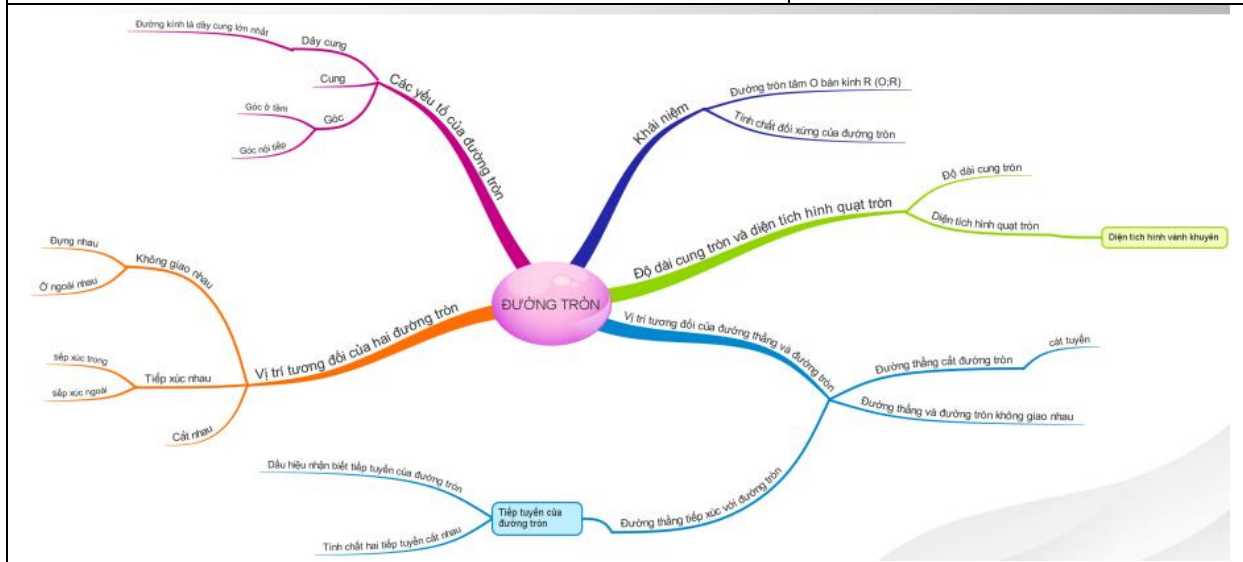
c) **Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy hệ thống hoá kiến thức chương 5.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập 1 - GV tổ chức chơi trò chơi thi “ĐÀO VÀNG”.</p> <p>Luật chơi:</p> <p>1. Điều khiển: Học sinh sẽ chọn các câu hỏi toán bằng cách "thả móc câu" vào các câu hỏi (được thể hiện dưới dạng các vật phẩm như vàng, kim cương, đá, v.v.).</p> <p>2. Thu thập kho báu: Khi chọn một câu hỏi, học sinh cần giải nó trong thời gian quy định. Nếu giải đúng, họ sẽ "kéo" được vật phẩm đó lên và nhận điểm tương ứng.</p> <p>3. Vật phẩm đặc biệt: Các câu hỏi khó hơn có giá trị cao hơn (giống như kim cương trong trò chơi gốc), nhưng cũng đòi hỏi nhiều kỹ năng và thời gian giải hơn. Các câu hỏi dễ hơn có giá trị thấp hơn nhưng dễ giải hơn.</p> <p>Câu 1: Trong hình 92, cho các điểm A, B, C, D, E thuộc đường tròn (O). Số đo góc BOC là:</p> <p>Câu 2: Trong hình 92, cho các điểm A, B, C, D, E thuộc đường tròn (O). Số đo góc BDC là:</p> <p>Câu 3: Trong hình 92, cho các điểm A, B, C, D, E thuộc đường tròn (O). Số đo góc BEC là:</p> <p>Câu 4: Độ dài cung tròn có số đo 300 của đường tròn bán kính R là:</p> <p>Câu 5: Diện tích hình quạt tròn tâm O, bán kính R, cung có số đo 45°</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ 1 Học sinh trả lời câu hỏi</p> <p>* Báo cáo, thảo luận 1 Cho cả lớp trả lời: Mời đại diện giải thích</p> <p>* Kết luận, nhận định 1 GV nhận xét và chốt kết quả</p> <p>* GV giao nhiệm vụ học tập 2 Yêu cầu học sinh hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống</p>	



Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
kiến thức chương 5 * HS thực hiện nhiệm vụ 2 - Học sinh trình bày nội dung Sơ đồ tư duy trên bảng nhóm. * Báo cáo, thảo luận 2 - HS đại diện nhóm lên bảng mô tả nội dung Sơ đồ tư duy của bài. - HS quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện (nếu có). * Kết luận, nhận định 2 - GV khẳng định lại nội dung bài thông qua Sơ đồ tư duy để HS rõ mạch kiến thức và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.	<p style="text-align: center;">Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức chương 5</p>



2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (không)

3. Hoạt động 3: Luyện tập (Dự kiến thời gian: 20 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về vị trí tương đối của hai đường tròn, của đường thẳng và đường tròn, số đo góc nội tiếp, góc ở tâm, diện tích hình quạt tròn, hình vành khuyên để giải quyết một số bài tập.

b) Nội dung:

- Gv cho học sinh hoàn thành Phiếu học tập 1.
- HS thực hiện giải bài tập 3, 4, 5 /SGK trang 124

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện các bài tập của HS.

Bài tập 1: Nối mỗi ô cột trái với một ô cột phải để được khẳng định đúng.

1) Trong một đường tròn bán kính R, độ dài của cung tròn có số đo n° là:	a) là một phần hình tròn giới hạn bởi một cung tròn và hai bán kính đi qua hai mút của cung đó.
---	---

2) Diện tích hình quạt tròn bán kính R, cung có số đo n^0 là:	b) $l = \frac{\pi Rn}{180}$
3) Tâm đối xứng của đường tròn.	c) là hình vành khuyên
4) Trục đối xứng của đường tròn.	d) chính là tâm của đường tròn.
5) Hình quạt tròn (hay còn gọi tắt là hình quạt)	e) là bất kì đường kính nào của đường tròn.
6) Hình giới hạn bởi hai đường tròn cùng tâm được gọi	g) $S = \frac{\pi R^2 n}{360}$

Đáp án: 1 – b; 2 – g; 3 – d; 4 – e; 5 – a; 6 - c

Bài tập 2: Điền vào chỗ ... để được các định lí.

- 1) Trong các dây của một đường tròn, dây lớn nhất là **đường kính**
- 2) Nếu một đường thẳng đi qua một điểm của đường tròn và **vuông góc với bán kính đi qua điểm đó** thì đường thẳng ấy là tiếp tuyến của đường tròn.
- 3) Góc có đỉnh trùng với tâm đường tròn được gọi là **góc ở tâm**
- 4) Số đo của cung nhỏ bằng **số đo các góc ở tâm** chắn cung đó.
- 5) Số đo của cung lớn bằng **hiệu giữa 360^0 và số đo của cung nhỏ** (có chung hai mút với cung lớn)
- 6) Góc nội tiếp là **góc có đỉnh thuộc đường tròn** và hai cạnh chứa hai dây cung của đường tròn đó.
- 7) Trong một đường tròn, góc nội tiếp có số đo bằng **nửa số đo cung bị chắn**
- 8) **Góc nội tiếp** chắn nửa đường tròn có số đo bằng 90^0

Bài tập 3: Hãy hoàn thành bảng số liệu sau vào tập ($\pi \approx 3,14$ và làm tròn đến hàng phần mười)

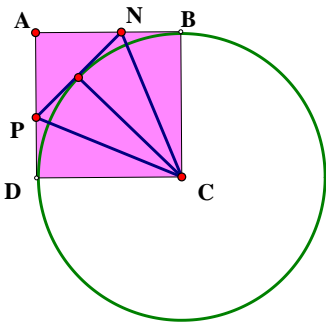
Bán kính R	20cm	6,7cm	12cm	32,6cm	366,9cm
Số đo n^0 của cung tròn	160^0	144^0	287^0	42^0	15^0
Độ dài l của cung tròn	55,8cm	16,8cm	60cm	23,9cm	96cm

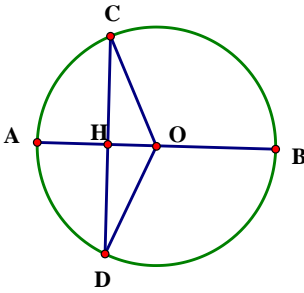
Bài tập 4: Điền vào chỗ để được các kết luận đúng

Vị trí tương đối của hai đường tròn	Hệ thức giữa OO' với R và r
Hai đường tròn cắt nhau	$R - r < OO' < R + r$
Hai đường tròn tiếp xúc ngoài	$OO' = R + r$

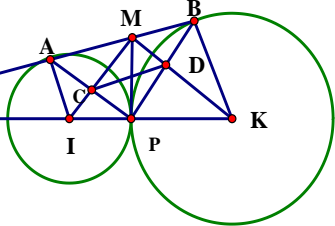
Hai đường tròn tiếp xúc trong	$OO' = R - r$
Hai đường tròn ở ngoài nhau	$OO' > R + r$
Đường tròn lớn đựng đường tròn nhỏ	$OO' < R - r$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập 1: GV phát phiếu học tập số 1 cho học sinh thực hiện trong thời gian 5 phút sau đó thu lại và cho học sinh chấm chéo với nhau. Cuối cùng thu 2 - 3 học sinh chấm và lấy điểm.</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ 1: HS hoạt động theo yêu cầu của GV</p> <p>* Báo cáo, thảo luận 1: HS thực hiện chấm chéo theo yêu cầu của giáo viên</p> <p>* Kết luận, nhận định 1: GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.</p> <p>* GV giao nhiệm vụ học tập 2: HS đọc và thực hiện các bài tập 3/124 SGK. Cho hình vuông ABCD cạnh r và đường tròn (C;r). Giả sử M là một điểm nằm trên đường tròn (C; r) sao cho điểm M nằm trong hình vuông ABCD. Tiếp tuyến của đường tròn (C;r) tại tiếp điểm M cắt các đoạn thẳng AB, AD lần lượt tại N, P. Chứng minh:</p> <p>a) Các đường thẳng NB, PD là các tiếp tuyến của đường tròn (C; r);</p> <p>b) $\angle NCP = \angle NCB + \angle PCD = 45^\circ$</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động theo nhóm (chia lớp thành 4 nhóm). - Thảo luận và thực hiện các nhiệm vụ. <p>* Báo cáo, thảo luận 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, mỗi nhóm trình bày một bài tập. 	<p>Bài 3:</p>  <p>Chứng minh:</p> <p>a) Các đường thẳng NB, PD là các tiếp tuyến của đường tròn (C; r); Do ABCD là hình vuông nên $AB = BC = CD = AD = r$; $AB \perp BC$ hay $NB \perp BC$ $AD \perp CD$ hay $PD \perp CD$ Xét (C) có: + $B \in (C)$; $NB \perp BC$ NB là tiếp tuyến của (C) + $D \in (C)$; $PD \perp CD$ $\Rightarrow PD$ là tiếp tuyến của (C)</p> <p>b) Chứng minh: $\angle NCP = \angle NCB + \angle PCD = 45^\circ$ Do MP và PD là hai tiếp tuyến cắt nhau tại P nên CP là tia phân giác của $\widehat{MCP} = \widehat{PCD}$ (1) Do MN và NB là hai tiếp tuyến cắt nhau tại N nên CN là tia phân giác của $\Rightarrow \angle MCN = \angle NCB$ (2) Từ (1) và (2) suy ra:</p>

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. * Kết luận, nhận định 2: GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.</p> <p>* GV giao nhiệm vụ học tập 3: HS đọc và thực hiện bài 4/124 SGK. Chứng minh trong một đường tròn: a) Đường kính vuông góc với một dây thì đi qua trung điểm của dây ấy; b) Đường kính đi qua trung điểm của một dây không đi qua tâm thì vuông góc với dây ấy; c) Hai dây bằng nhau thì cách đều tâm; d) Hai dây cách đều tâm thì bằng nhau.</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ 3: HS hoạt động cá nhân. * Báo cáo, thảo luận 3: - Một HS trình bày trên bảng. - HS khác nhận xét, bổ sung. * Kết luận, nhận định 3: GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.</p>	<p>$MCP + MCN = NCB + PCD$ $\Rightarrow NCP = NCB + PCD$ Lại có: $PCD + PCM + MCN + NCB = 90^\circ$ Suy ra: $2(NCB + PCD) = 90^\circ$ Do đó: $NCB + PCD = 45^\circ$ Vậy $NCP = NCB + PCD = 45^\circ$</p> <p>Bài 4: Giải:</p>  <p>a) Gọi H là giao điểm của đường kính AB xuống CD Do $AB \perp CD$ nên $OH \perp CD$ Xét tam giác OCD có: $OC = OD$ Suy ra: $\triangle OCD$ cân tại O Lại có: $OH \perp CD$ nên OH đồng thời là đường trung tuyến của tam giác OCD Vậy H là trung điểm của CD</p> <p>b) Gọi H là trung điểm của CD Xét tam giác OCD có: $OC = OD$ Suy ra: $\triangle OCD$ cân tại O Lại có: OH là đường trung tuyến của tam giác OCD nên OH đồng thời là đường cao của tam giác OCD Vậy $AB \perp CD$</p> <p>c)</p>

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
	<div data-bbox="778 219 1023 474" data-label="Image"> </div> <p data-bbox="770 495 1353 577">Gọi OH, OK lần lượt là khoảng cách từ O tới AB, CD.</p> <p data-bbox="770 589 959 622">Do $AB = CD$</p> <p data-bbox="770 633 986 667">Nên $AH = CK$</p> <p data-bbox="770 678 1337 712">Xét tam giác OAH và tam giác OCK có:</p> <p data-bbox="770 734 1050 768">$\angle AHO = \angle CKO = 90^\circ$</p> <p data-bbox="770 790 970 824">$OA = OC = R$</p> <p data-bbox="770 835 911 869">$AH = CK$</p> <p data-bbox="770 880 1177 913">Do đó: $\triangle AHO = \triangle CKO$</p> <p data-bbox="770 925 1201 958">(cạnh huyền - cạnh góc vuông)</p> <p data-bbox="770 969 1265 1003">Suy ra: $OH = OK$ (cạnh tương ứng)</p> <p data-bbox="770 1059 802 1093">d)</p> <div data-bbox="975 1099 1225 1355" data-label="Image"> </div> <p data-bbox="770 1429 1353 1512">Gọi OH, OK lần lượt là khoảng cách từ O tới AB, CD</p> <p data-bbox="770 1523 1337 1556">Xét tam giác OAH và tam giác OCK có:</p> <p data-bbox="770 1579 1074 1612">$\angle AHO = \angle CKO = 90^\circ$</p> <p data-bbox="770 1635 970 1668">$OA = OC = R$</p> <p data-bbox="770 1680 911 1713">$OH = OK$</p> <p data-bbox="770 1724 1137 1758">Do đó: $\triangle AHO = \triangle CKO$</p> <p data-bbox="770 1769 1273 1803">(Cạnh góc vuông - cạnh góc vuông)</p> <p data-bbox="770 1814 1023 1848">(cạnh tương ứng)</p> <p data-bbox="770 1870 959 1904">$\Rightarrow AH = CK$</p> <p data-bbox="770 1915 1129 1982">Vì $AH = \frac{1}{2}AB; CK = \frac{1}{2}CD$</p> <p data-bbox="770 1993 959 2027">nên $AB = CD$</p>

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập 4: HS đọc và thực hiện bài 5/124 SGK.</p> <p>Cho hai đường tròn (I; r) và (K; R) tiếp xúc ngoài với nhau tạo P với $R \neq r$, đường thẳng a lần lượt tiếp xúc (I; r) và (K; R) tại A và B, a cắt KI tại O. Đường thẳng qua P vuông góc với IK cắt đường thẳng a tại M. Chứng minh:</p> <p>a) $\frac{OI}{OK} = \frac{r}{R}$</p> <p>b) $AB = 2MP$</p> <p>c) $\angle IMK = 90^\circ$</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ 4: HS hoạt động theo nhóm cặp đôi.</p> <p>* Báo cáo, thảo luận 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi một số HS thực hiện. - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung. <p>* Kết luận, nhận định 4: GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.</p>	<p>Bài 5:</p> <p>Giải:</p>  <p>a) Do AB là tiếp tuyến của (I) nên $AI \perp AB$ Do AB là tiếp tuyến của (K) nên $KB \perp AB$ Từ đó suy ra $AI \parallel BK$ Xét tam giác OBK có: $AI \parallel BK$ $\Rightarrow \frac{OI}{OK} = \frac{AI}{BK} = \frac{r}{R}$ (Định lí Thales)</p> <p>b) Xét (I) có MP, MA là hai tiếp tuyến cắt nhau suy ra: $MP = MA$ (1) Xét (K) có MP, MB là hai tiếp tuyến cắt nhau suy ra: $MP = MB$ (2) Từ (1) và (2) suy ra: $MP + MP = MA + MB$ $2MP = AB$</p> <p>c) Do $AI \parallel BK$ $\Rightarrow \angle OIA = \angle IKB$ (2 góc đồng vị) Mà $\angle AIK + \angle OIA = 180^\circ$ (2 góc kề bù) nên $\angle AIK + \angle IKB = 180^\circ$ Do MP, MA là hai tiếp tuyến cắt nhau tại M suy ra: IM là phân giác của góc AIP $\Rightarrow \angle MIP = \frac{1}{2} \angle AIP$ (4) Do MP, MB là hai tiếp tuyến cắt nhau tại M suy ra: KM là phân giác của góc BKP $\Rightarrow \angle MKP = \frac{1}{2} \angle BKP$ (5)</p>

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
	<p>Từ (3), (4), (5) suy ra:</p> $\frac{1}{2}AIP + \frac{1}{2}BKP = MIP + MKP$ $\Rightarrow MIP + MKP = 90^0$ <p>Xét tam giác IMK có:</p> $MIP + MKP = 90^0 \Rightarrow IMK = 90^0$

4. Hoạt động 4: Vận dụng (Dự kiến thời gian: 13 phút)

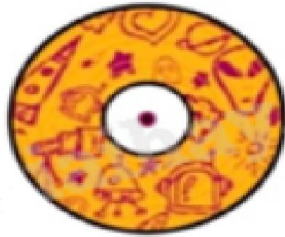
a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về vị trí tương đối của hai đường tròn, của đường thẳng và đường tròn, số đo góc nội tiếp, góc ở tâm, diện tích hình quạt tròn, hình vành khuyên để giải quyết một số bài tập.

b) Nội dung:

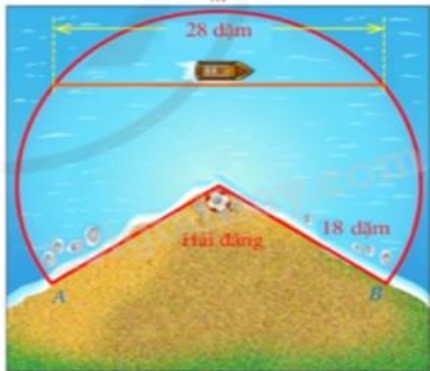
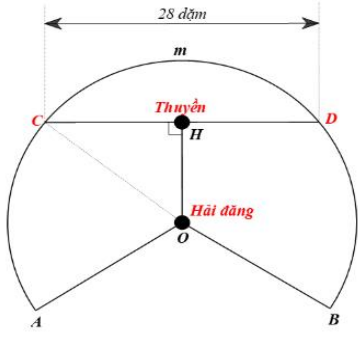
- HS thực hiện giải bài tập tự luận 6, 7, 8, 9 SGK/125.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện các bài tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập 1</p> <p>- GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân thực hiện bài 6 SGK trang 125</p> <p>Mặt đĩa CD ở Hình 93 có dạng hình vành khuyên giới hạn bởi hai đường tròn có bán kính lần lượt là 1,5cm và 6cm. Hình vành khuyên đó có diện tích bằng bằng nhiêu centimét vuông (làm tròn kết quả đến hàng phần mười)?</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ 1</p> <p>- Học sinh suy nghĩ và làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Báo cáo, thảo luận 1</p> <p>- GV gọi 1 học sinh nêu cách giải</p> <p>- Các hs còn lại lắng nghe và bổ sung</p> <p>* Kết luận, nhận định 1</p> <p>- GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.</p> <p>* GV giao nhiệm vụ học tập 2</p> <p>- GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân thực hiện bài 7 SGK trang 125</p> <p>Hình 94 mô tả mảnh vải có dạng một phần tư hình vành khuyên, trong đó hình vành khuyên giới hạn bởi hai đường tròn cùng tâm và có các bán kính lần lượt là 3dm và 5dm. Diện tích của mảnh vải đó bằng bao nhiêu decimét vuông (làm</p>	<p>Bài 6 SGK trang 125:</p>  <p style="text-align: center;"><i>Hình 93</i></p> <p>Giải</p> <p>Hình vành khuyên đó có diện tích bằng:</p> $S = \pi(R^2 - r^2) = \pi(6^2 - 1,5^2) \approx 106$ <p>Bài 7 SGK trang 125:</p>

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>tròn kết quả đến hàng phần mười)?</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh suy nghĩ và làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ <p>* Báo cáo, thảo luận 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 học sinh nêu cách giải - Các hs còn lại lắng nghe và bổ sung <p>* Kết luận, nhận định 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. <p>* GV giao nhiệm vụ học tập 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân thực hiện bài 8 SGK trang 125 <p>Logo ở Hình 95 có dạng một hình quạt tròn bán kính 8cm và góc ở tâm bằng 60°. Tính diện tích mỗi hình sau (theo đơn vị centimet vuông và làm tròn kết quả đến hàng phần mười):</p> <ol style="list-style-type: none"> Toàn bộ logo; Phần logo màu đỏ có dạng hình viên phân. <p>* HS thực hiện nhiệm vụ 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh suy nghĩ và làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ <p>* Báo cáo, thảo luận 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 học sinh nêu cách giải - Các hs còn lại lắng nghe và bổ sung <p>* Kết luận, nhận định 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. <p>* GV giao nhiệm vụ học tập 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân thực hiện bài 9 SGK trang 125 <p>Hình 96 biểu diễn vùng biển được chiếu sáng bởi một hải đăng có dạng một hình quạt tròn với bán kính 18 dặm, cung (AmB) có số đo 245°.</p> <ol style="list-style-type: none"> Hãy tính diện tích vùng biển có thể nhìn thấy ánh sáng từ hải đăng theo đơn vị kilômét vuông (lấy 1 dặm = 1609m, và làm tròn kết quả đến hàng đơn vị). 	<div data-bbox="1027 226 1366 443" data-label="Image"> </div> <p data-bbox="1150 456 1270 488">Hình 94</p> <p data-bbox="948 506 1257 539">Diện tích mảnh vải là:</p> $S = \frac{1}{4} \pi (5^2 - 3^2) = 4\pi \approx 12,6(dm^2)$ <p data-bbox="948 1066 1270 1099">Bài 8 SGK trang 125:</p> <div data-bbox="954 1122 1366 1491" data-label="Image"> </div> <p data-bbox="1075 1514 1219 1547">Hình 95</p> <ol style="list-style-type: none"> Diện tích toàn bộ logo là: $S = \frac{\pi R^2 n}{360} = \frac{\pi \cdot 8^2 \cdot 60}{360} = \frac{32\pi}{3} (cm^2)$ Diện tích tam giác xanh là: $\frac{1}{2} \cdot 8 \cdot \frac{8\sqrt{3}}{2} = 16\sqrt{3} (cm^2)$ Diện tích phần logo màu đỏ là:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>b) Giả sử một con thuyền di chuyển dọc theo dây cung có độ dài 28 dặm của đường tròn với tâm là tâm của hình quạt tròn, bán kính 18 dặm. Tính khoảng cách nhỏ nhất từ con thuyền đến hải đăng (theo đơn vị dặm làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh suy nghĩ và làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ <p>* Báo cáo, thảo luận 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 học sinh nêu cách giải - Các hs còn lại lắng nghe và bổ sung <p>* Kết luận, nhận định 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. 	<p>$\frac{32\pi}{3} - 16\sqrt{3} \approx 5,8(cm^2)$</p> <p>Bài 9 SGK trang 125:</p>  <p style="text-align: center;"><i>Hình 96</i></p> <p>Đổi 1 dặm = 1 609 m = 1,609 km. Diện tích vùng biển có thể nhìn thấy ánh sáng từ hải đăng là:</p> $S = \frac{\pi.R^2.n}{360} = \frac{\pi(18.1,609)^2.245}{360} \approx 1793(km^2)$  <p>b) Xét đường tròn (O) có $OH \perp CD$ tại H, ta có: H là trung điểm của CD</p> <p>Khi đó: $CH = \frac{1}{2}CD = \frac{1}{2}.28 = 14$ (dặm)</p> <p>Xét tam giác OHC vuông tại H, theo định lí Pythagore, ta có: $OC^2 = OH^2 + CH^2$ Suy ra: $OH^2 = OC^2 - CH^2$</p>

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
	$= 18^2 - 14^2 = 128$ Do đó: $OH = \sqrt{128} \approx 11$ (dặm) Vậy khoảng cách nhỏ nhất từ thuyền đến ngọn hải đăng khoảng 11 dặm

► **Hướng dẫn tự học ở nhà** (Dự kiến thời gian: 2 phút)

- Ghi nhớ kiến thức trọng tâm trong bài.
- Hoàn thành bài tập SGK trang 124, 125.
- Chuẩn bị bài “Đường tròn ngoại tiếp tam giác. Đường tròn nội tiếp tam giác”

1. Phiếu bài tập số 1

Bài tập 1: Nối mỗi ô cột trái với một ô cột phải để được khẳng định đúng.

1) Trong một đường tròn bán kính R, độ dài của cung tròn có số đo n° là:	a) là một phần hình tròn giới hạn bởi một cung tròn và hai bán kính đi qua hai mút của cung đó.
3) Diện tích hình quạt tròn bán kính R, cung có số đo n° là:	b) $l = \frac{\pi R n}{180}$
3) Tâm đối xứng của đường tròn.	c) là hình vành khuyên
4) Trục đối xứng của đường tròn.	d) chính là tâm của đường tròn.
5) Hình quạt tròn (hay còn gọi tắt là hình quạt)	e) là bất kì đường kính nào của đường tròn.
6) Hình giới hạn bởi hai đường tròn cùng tâm được gọi	g) $S = \frac{\pi R^2 n}{360}$

Đáp án: 1 –; 2 –; 3 –; 4 –; 5 –; 6 -

Bài tập 2: Điền vào chỗ ... để được các định lí.

2) Trong các dây của một đường tròn, dây lớn nhất là

2) Nếu một đường thẳng đi qua một điểm của đường tròn và

.....

thì đường thẳng ấy là tiếp tuyến của đường tròn.

3) Góc có đỉnh trùng với tâm đường tròn được gọi là.....

6) Số đo của cung nhỏ bằngchấn cung đó.

7) Số đo của cung lớn bằng.....và(có chung hai mút với cung lớn)

6) Góc nội tiếp làvà hai cạnh chứa hai dây cung của đường tròn đó.

7) Trong một đường tròn, góc nội tiếp có số đo bằng

8)..... chắn nửa đường tròn có số đo bằng 90^0

Bài tập 3: Hãy hoàn thành bảng số liệu sau vào tập ($\pi \approx 3,14$ và làm tròn đến hàng phần mười)

Bán kính R	20cm		12cm	32,6cm	
Số đo n^0 của cung tròn	160^0	144^0		42^0	15^0
Độ dài l của cung tròn		16,8cm	60cm		96cm

Bài tập 4: Điền vào chỗ để được các kết luận đúng

Vị trí tương đối của hai đường tròn	Hệ thức giữa OO' với R và r
Hai đường tròn cắt nhau
Hai đường tròn tiếp xúc ngoài
Hai đường tròn tiếp xúc trong
..... ...	$OO' > R + r$
..... ...	$OO' < R - r$